TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1485/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 04 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
B NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 967/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1995
Địa chỉ: 110 lô B chung cư Q, 86 đường E, phường R, tổ T, khu phố Y, thành phố Thủ Đức.

Ông Trần Văn C, sinh năm: 1989
Địa chỉ: 110 lô B chung cư Q, 86 đường E, phường R, tổ T, khu phố Y, thành phố Thủ Đức.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Y, tỉnh U theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 cấp ngày 30/05/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông bà không còn tình cảm với nhau. Nay ông bà cảm thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà A và ông C đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự

không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên việc ông bà yêu cầu Tòa án C nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Bà A và ông C trình bày có 02 người con chung tên Trần Thảo C1, sinh ngày 28/10/2016 và Trần Thảo C2, sinh ngày 28/12/2020. Ông bà thỏa thuận: Bà A trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thảo C2, sinh ngày 28/12/2020, ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thảo C1, sinh ngày 28/10/2016. Hai bên không cấp dưỡng cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Bà A và ông C trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà A và ông C trình bày không có nợ chung.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn C thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 cấp ngày 30/05/2016 do Ủy ban nhân dân xã Z, huyện X, tỉnh D cấp cho bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn C không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thảo C2, sinh ngày 28/12/2020, ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thảo C1n, sinh ngày 28/10/2016. Hai bên không cấp dưỡng cho nhau.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A và ông C trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà A và ông C trình bày không có nợ chung.

2. Về lệ phí tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mỗi người nộp phải 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà A và ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0026560 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A và ông C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- CC THADS TP.Thủ Đức
- UBND X. Z, H. X, T. D;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thu Hiền